

Bản án số 280/2025/HC-PT

Ngày 18/4/2025

V/v “*Khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 746/2024/TLPT-HC ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 245/2024/HC-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3337/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Trần Duy T, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Hoàng Kim T1 - Công ty L thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: A, ngõ I đường V, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân P - Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện T; vắng mặt.

2. Bà Đinh Thị T2, sinh năm 1973; địa chỉ: xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1998; địa chỉ: xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, và lời khai tiếp theo người khởi kiện ông Trần Duy T trình bày:***

Về nguồn gốc đất của hộ gia đình tôi có 3 nhân khẩu (là Trần Duy T, vợ là Đinh Thị T2 và con Trần Văn Đ) đang sử dụng tại xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Gia đình tôi đã mua lại toàn bộ diện tích đất và nhà là 46,2m² của bà Lưu Thị H, có căn nhà cấp bốn xây dựng trên toàn bộ diện tích đất nói trên. Bà H đã sử dụng nhà đất ở từ trước năm 2003 trong thời gian dài mà không có tranh chấp hay có sự phản đối của các cấp chính quyền. Giấy tờ mua bán được chúng tôi thống nhất ký kết từ ngày 18/11/2009.

Tôi đã làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) năm 2016 theo Thông báo số 95/TB-UBND ngày 06/9/2016 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, và Thông báo lần 2 số 118/TB-UBND ngày 17/10/2016 của UBND xã H về việc đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nhưng đến nay vẫn chưa được cấp GCNQSDĐ thì bị thu hồi đất.

Quá trình gia đình tôi sử dụng đất ổn định, có các tài liệu chứng minh như sau: Hồ sơ kỹ thuật thửa đất 60,8m² số 1701-10/2017/HSKT đứng tên Trần Duy T do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 13/3/2017; Sơ đồ nhà ở và các công trình xây dựng trên đất 47,4m², nhà gạch 1 tầng, 01 nhà tạm 13.4m² do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 13/3/2017; Mô tả chi tiết mốc giới, ranh giới thửa đất 60,8m² đứng tên Trần Duy T Công ty TNHH Đ2 lập ngày 13/3/2017 (xác nhận ranh giới, mốc giới, bản đồ sơ họa ranh giới); Sổ hộ khẩu, Các biên lai thu thuế nhà, đất của Chi cục thuế huyện T từ năm 1996 đến năm 2021; Thông báo nộp thuế nhà đất của Chi cục thuế huyện T từ năm 2014 đến năm 2020; Thông báo số 95/TB-UBND ngày 06/9/2016 của UBND xã H về việc đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thông báo số 118/TB-UBND ngày 17/10/2016 của UBND xã H về việc đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Hợp đồng mua bán điện sinh hoạt và các chứng từ thanh toán, Hợp đồng mua bán nước sạch sinh hoạt và các chứng từ thanh toán.

Nhà, đất ở của chúng tôi bị thu hồi toàn bộ để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu H đến hết địa phận huyện T (giáp địa phận phường K, quận H) nhưng chưa được bồi thường thỏa đáng và chưa hỗ trợ tái định cư. Gia đình tôi không đồng ý các quyết định hành chính của Chủ tịch và UBND huyện T và yêu cầu như sau:

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 9057/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi 46,2m² đất do UBND xã H quản lý (ông Trần Duy T và bà Đinh Thị T2 đang sử dụng) tại xã H để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu H đến hết địa phận huyện T (giáp địa phận phường K,

quận H), vì đất đai đủ điều kiện được đền bù về đất theo quy định pháp luật, và diện tích đất nhà tôi là 60,8m² chứ không phải là 46,2m².

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 9161/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện T tại khoản 3 Điều 1 liên quan đến phần bồi thường, hỗ trợ khác và sửa đổi một phần Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp của gia đình tôi theo đúng quy định pháp luật. Bởi theo phương án bồi thường thì nhà, công trình xây dựng, hỗ trợ ổn định đời sống tổng số tiền là 95.992.000 đồng, mà không bồi thường về đất ở, chưa bồi thường bằng đất ở tái định cư. Đề nghị lập phương án hỗ trợ tái định cư đối với hộ gia đình chúng tôi thêm, bởi toàn bộ đất của gia đình tôi bị thu hồi hiện không có chỗ ở nào khác. Đề nghị áp dụng mức bồi thường về đất cho gia đình tôi theo bảng giá đất của UBND thành phố H và các khoản hỗ trợ khác tăng hơn so với phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện T, cụ thể: Bồi thường 60,8m² đất (đất chưa được cấp GCNQSDĐ) thuộc vị trí số 1 là 60,8m² x 7.260.000 đồng = 441.408.000 đồng; Bổ sung chi phí hỗ trợ di chuyển tài sản cho 3 nhân khẩu nữa x 5.000.000 đồng = 15.000.000 đồng (tại phương án chỉ hỗ trợ 1 nhân khẩu); Bổ sung thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng cho 3 nhân khẩu nữa x 5.000.000 đồng = 15.000.000 đồng (tại phương án chỉ hỗ trợ 1 nhân khẩu); cộng là 471.408.000 đồng.

Như vậy, gia đình tôi sẽ được nhận là: 471.408.000 đồng + 95.992.000 đồng = 567.330.000 đồng theo Quyết định ban hành bảng giá đất số 30/2019/QĐ-UBND của UBND thành phố H ngày 31/12/2019.

*** Quan điểm của Chủ tịch và UBND huyện T:**

UBND huyện T xin có ý kiến và quan điểm về căn cứ ban hành các Quyết định số 9057/QĐ-UBND và số 9161/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình bà Đinh Thị T2 và ông Trần Duy T để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu H đến hết địa phận huyện T (giáp địa phận phường K, quận H) như sau:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ các Nghị định: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Căn cứ Thông báo số 8545/TB-STC ngày

29/12/2020 của Sở T3 về đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, sản lượng cá phục vụ công tác GPMB trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021;

Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu H đến hết địa phận huyện T (giáp địa phận phường K, quận H) được UBND huyện T phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 7348/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 và đã được UBND thành phố H phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện T tại Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 07/3/2019; Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND huyện T về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế dự án; Quyết định số 8526/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện T về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 26/03/2021 của UBND thành phố H về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện T; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/09/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố H về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố H về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện T; Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND thành phố H về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện T;

Căn cứ Bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng được UBND huyện T thuận ngày 10/8/2018; Căn cứ Bản định vị mốc giới ngày 06/3/2019 thực hiện theo Văn bản số 10520/STNMT-CCQLĐĐ ngày 14/12/2018 của Sở T4. Ngày 09/9/2019, UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 298/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu H đến hết địa phận huyện T (giáp địa phận phường K, quận H) và Thông báo số 570/TB-UBND ngày 11/11/2021 về việc điều chỉnh nội dung Thông báo 298/TB-UBND ngày 09/9/2019 và Thông báo số 471/TB-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện T;

Căn cứ Giấy xác nhận về việc sử dụng đất, về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi và về hộ gia đình cùng số nhân khẩu trực tiếp sinh sống tại địa điểm thu hồi đất để thực hiện dự án ngày 18/11/2021 của UBND xã H và các giấy tờ có liên quan, thì hộ gia đình ông Trần Duy T và bà Đinh Thị Tuyết S diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất để thực hiện dự án từ năm 2009 theo giấy chuyển nhượng giữa bà Lưu Thị H và ông Trần Duy T ngày 18/11/2009 không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền do gia đình không cung cấp. Diện tích đất thu hồi là 46,2m² là đất có nguồn gốc đất phi nông nghiệp (bờ sông, sông N) do UBND xã quản lý (nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình thủy lợi).

Ngày 30/12/2021 UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 9161/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Trần Duy T và bà Đinh Thị T2.

Quan điểm của UBND huyện T ban hành Quyết định số 9057/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi 46,2m² đất do UBND xã H quản lý (ông Trần Duy T và bà Đinh Thị T2 đang sử dụng); và Quyết định số

9161/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Trần Duy T và bà Đinh Thị T2, tại xã H để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu H đến hết địa phận huyện T (giáp địa phận phường K, quận H) theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 28/01/2022, UBND huyện T nhận được đơn của ông Trần Duy T khiếu nại Quyết định số 9161/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu H đến hết địa phận huyện T (giáp địa phận phường K, quận H).

Ngày 21/01/2022, UBND huyện T có Báo cáo số 26/BC-UBND báo cáo UBND thành phố H xin ý kiến chỉ đạo giải quyết khó khăn, vướng mắc khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu H đến hết địa phận huyện T (giáp địa phận phường K, quận H);

Ngày 10/02/2022, UBND thành phố H có Công văn số 1269/VP-GPMB giao Sở T4, Sở T3, Sở Xây dựng, UBND huyện T và các đơn vị liên quan kiểm tra, rà soát các nội dung vướng mắc, hướng dẫn UBND huyện T thực hiện theo quy định; thống nhất tham mưu, đề xuất lên UBND thành phố H.

Ngày 03/3/2022, thực hiện nhiệm vụ UBND huyện T giao Trung tâm phát triển quỹ đất đã có buổi làm việc với ông Trần Duy T trao đổi về nội dung đơn khiếu nại của hộ dân. Tại buổi làm việc, ông T đã thống nhất đề nghị tạm dừng giải quyết đơn khiếu nại của gia đình ông, trong khi chờ ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố H. UBND huyện T thông báo tạm dừng giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Duy T kể từ ngày ban hành thông báo.

Ngày 24/2/2023, UBND huyện T có Văn bản số 285/UBND-TTPTQĐ trả lời ông Trần Duy T với nội dung đề nghị được cấp đất tái định cư, như sau: Căn cứ Giấy xác nhận về việc sử dụng đất, về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi và về hộ gia đình cùng số nhân khẩu trực tiếp sinh sống tại địa điểm thu hồi đất để thực hiện Dự án ngày 18/11/2021 của UBND xã H và các giấy tờ có liên quan, thì hộ gia đình ông Trần Duy T sử dụng diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất để thực hiện Dự án từ năm 2009 theo giấy chuyển nhượng giữa bà Lưu Thị H và ông Trần Duy T ngày 18/11/2009 không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền do gia đình ông cung cấp.

Căn cứ khoản 2 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở, nhà ở trước ngày 01 tháng 07 năm 2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm. khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được mua 01 căn hộ chung cư có diện tích nhỏ nhất trong quỹ nhà tái định cư của thành phố hoặc mua 01 suất đất tái định cư 30m², trong trường hợp địa phương còn quỹ đất tái định cư, theo giá quy định của ủy ban nhân dân thành phố N với hệ số điều chỉnh K=1,3”*.

Như vậy, theo quy định trên và các giấy tờ liên quan đến công tác GPMB thì hộ gia đình ông T sử dụng đất sau ngày 01/07/2004 nên không đủ điều kiện để được mua 01 suất tái định cư theo khoản 2 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H. Trường hợp hộ gia đình ông T có nhu cầu mua nhà ở xã hội theo các Điều 49, 50, 51 Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014 thì gửi đơn đăng ký với UBND xã H qua bộ phận công chức địa chính - xây dựng xã để tổng hợp báo cáo UBND huyện T trình UBND thành phố H theo quy định.

**** Quan điểm của UBND xã H, huyện T:***

Ngày 18/11/2021, UBND xã H xác nhận về việc sử dụng đất, về các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi và nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống tại địa điểm thu hồi đất để thực hiện dự án, như sau:

Ông Trần Duy T và bà Đinh Thị T2; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: H, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội, là người sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất

Diện tích đất: Tổng diện tích đất thực tế đang sử dụng 46,2m², Trong đó:

+ Diện tích đất bị thu hồi, nằm trong chỉ giới GPMB: 46,2m²;

+ Diện tích đất còn lại: 0,0m²;

Bản đồ hiện trạng GPMB: Tờ bản đồ số: 02; thuộc thửa đất số: 67.

Bản đồ địa chính lập năm 1994, tỷ lệ 1/500: Thuộc tờ bản đồ 16 (chưa được thể hiện số hiệu thửa đất và diện tích).

Vị trí thửa đất: Vị trí 1 trực đường từ cầu H đi phường K.

Nguồn gốc sử dụng đất: theo hồ sơ địa chính do UBND xã quản lý thể hiện: Diện tích đất ông Lương Văn Đ1 và bà Ngô Thị P1 đang quản lý sử dụng 46,2m², được thể hiện như sau: Theo hệ bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTG, tỷ lệ 1/1000 và sổ mục kê ruộng đất lập theo bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg (đã được UBND xã H xác ngày 17/8/1993): Thuộc một phần diện tích phi nông nghiệp (sông N) do UBND xã quản lý thuộc tờ bản đồ số 01 (chưa được thể hiện số hiệu thửa đất và diện tích). Hệ bản đồ đo đạc năm 1994, tỷ lệ 1/500 (lập ngày 05/12/1994): Thuộc một phần diện tích đất phi nông nghiệp (bờ sông N) do UBND xã quản lý, thuộc tờ bản đồ số 16 (chưa được thể hiện số hiệu thửa đất và diện tích).

Khoảng năm 1995 đến trước thời điểm ngày 01/7/2004, bà Lưu Thị H chiếm đất phi nông nghiệp (đất bờ sông) do UBND xã quản lý với diện tích 46,2m², xây dựng nhà ở; tại thời điểm chiếm đất và xây dựng công trình không có hồ sơ xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Năm 2009, bà Lưu Thị H chuyển nhượng cho ông Trần Duy T theo Giấy chuyển nhượng nhà ngày 18/11/2009, không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Năm 2012, ông Trần Duy T kê khai và đứng tên nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà Lưu Thị H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 245/2024/HC-ST ngày 20/8/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/12/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại; Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 43 số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy Tương đối V các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 9057/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 9161/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện T việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Văn bản số 285/UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện T trả lời ông Trần Duy T về yêu cầu tái định cư.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2024, người khởi kiện ông Trần Duy T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Trần Duy T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, trình bày: Ông Trần Duy T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bản án sơ thẩm vi phạm về nội dung, ông T có đủ điều kiện được bồi thường về đất và hỗ trợ tái định cư nhưng không được UBND huyện T giải quyết, việc trả lời khiếu nại đối với ông T là không thỏa đáng, không xem xét giải quyết bất cứ đơn nào của người khởi kiện. Gia đình ông T mua lại diện tích đất 42,6m² của bà Lưu Thị H, bà H sử dụng đất hợp pháp một thời gian rất dài, không có ý kiến gì của chính quyền, không bị xử lý vi phạm. Ông Trần Duy T, bà Đinh Thị T2 nhận chuyển nhượng đất của bà Lưu Thị H là hợp pháp. Quá trình sử dụng đất từ năm 2009 đến nay ông T sử dụng hợp pháp gồm hồ sơ kỹ thuật thửa đất, sơ đồ nhà ở và công trình xây dựng trên đất, mô tả chi tiết mốc giới, ranh giới thửa đất, xác nhận ranh giới mốc giới, gia đình ông T có sổ hộ khẩu tại thời điểm thu hồi đất, có biên lai

thu thuế, thông báo nộp thuế đất, Thông báo số 95/TB-UBND ngày 06/9/2016 của UBND xã H, Thông báo số 118/TB-UBND ngày 17/10/2016 của UBND xã H, các hợp đồng và chứng từ về sử dụng điện, nước. Gia đình ông T không được bồi thường về đất và một số hạng mục trên đất còn thiếu. Theo Điều 101 Luật Đất đai 2013 gia đình ông T có đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ và được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại vụ án, đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Trần Duy T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ đối với người bị kiện Chủ tịch và UBND huyện T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H, anh Trần Văn Đ, nhưng các đương sự đều vắng mặt, Chủ tịch và UBND huyện T đã có văn bản xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những các đương sự này theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Duy T, hủy các Quyết định số 9057/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi đất, Quyết định số 9161/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện T việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Văn bản số 285/UBND ngày

24/2/2023 của Chủ tịch UBND huyện T trả lời ông Trần Duy T về yêu cầu tái định cư, thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Căn cứ vào khiếu nại của ông Trần Duy T đề nghị hủy các Quyết định số 9057/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi đất, Quyết định số 9161/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện T việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Văn bản số 285/UBND ngày 24/2/2023 của Chủ tịch UBND huyện T trả lời ông Trần Duy T về yêu cầu tái định cư; Quyết định số 7348/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 và đã được UBND thành phố H phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện T; Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 07/3/2019; Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND huyện T về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế dự án; Quyết định số 8526/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện T về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 26/03/2021 của UBND thành phố H về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện T; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/09/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố H về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố H về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện T; Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND thành phố H về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện T; Căn cứ Bản vẽ quy hoạch Tổng mặt bằng được UBND huyện T thuận ngày 10/8/2018; Căn cứ Bản định vị mốc giới ngày 06/3/2019 thực hiện theo Văn bản số 10520/STNMT-CCQLĐĐ ngày 14/12/2018 của Sở T4; ngày 09/9/2019, UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 298/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu H đến hết địa phận huyện T (giáp địa phận phường K, quận H) và Thông báo số 570/TB-UBND ngày 11/11/2021 về việc điều chỉnh nội dung Thông báo 298/TB-UBND ngày 09/9/2019 và số 471/TB-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện T. UBND huyện T đã căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011; Căn cứ Nghị định số 43; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 ban hành qui định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 về việc thu hồi đất, Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Trần Duy T và Văn bản số 285/UBND ngày 24/2/2023 của Chủ tịch UBND huyện T ban hành ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền.

Tuy nhiên, sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại thì Chủ tịch UBND huyện T ban hành Thông báo số 172/TB-UBND ngày 31/3/2023 của về việc giải quyết đơn khiếu nại là chưa đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại. Chủ tịch UBND

huyện T phải ra thông báo thụ lý đơn đề xác minh, đối thoại, sau ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định Luật Khiếu nại.

[2.2]. Xét về tính hợp pháp của các Quyết định ông Trần Duy T đề nghị hủy, thấy:

[2.2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất bị thu hồi của hộ gia đình ông Trần Duy T:

Ngày 18/11/2021, UBND xã H xác nhận về việc sử dụng đất, về các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi và nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống tại địa điểm thu hồi đất thực hiện dự án. Đất có nguồn gốc phi nông nghiệp (bờ sông) do U (nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình thủy lợi). Khoảng năm 1995 đến trước ngày 01/7/2004, bà Lưu Thị H chiếm đất do UBND xã quản lý với diện tích 46,2m², xây dựng nhà ở, tại thời điểm chiếm đất và xây dựng công trình không có hồ sơ xử lý vi phạm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Năm 2009, bà H chuyển nhượng cho ông T theo Giấy chuyển nhượng nhà ngày 18/11/2009, không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2023 xác nhận hiện trạng đất và nhà ở do gia đình ông Trần Duy T và bà Đinh Thị T2 sử dụng đã thực hiện xong giải phóng mặt bằng, ông T, bà T2 có ý kiến nhất trí nội dung buổi xem xét tại chỗ đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 3, diện tích 46,2m² do gia đình ông sử dụng tại xã H về công tác thu hồi GPMB gia đình tôi nhất trí, tuy nhiên gia đình yêu cầu xem xét về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, do vợ chồng tôi bị thu hồi toàn bộ nhà đất, không có chỗ ở khác nên đề nghị được hỗ trợ tái định cư cộng với số tiền bồi thường 95 triệu đồng đã nhận, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

[2.2.2] Về bồi thường hỗ trợ:

- Về nhà ở: Công trình xây dựng hợp pháp: Không; Công trình xây dựng không hợp pháp: Tạo lập xây dựng sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Nhà ở 1 tầng tường 220, tường bao quanh, mái lợp tôn, cao 6m, nền lát gạch ceramen, nhà có khu phụ, kích thước (5,04m + 4,97m) / 2 x (8,98m + 9,17m) / 2 + (1,87m x 0,45m) = 46,2m x 3.001.000đ x 50% = 69.323.100 đồng; gác xép bê tông: (4,97m x 1m) + (0,45m x 1,87m) = 8,79m² x 952.000đ x 50% = 4.184.000 đồng; gác xép gỗ, kích thước 3,5m x 5,0m = 17,5m² x 459.000đ x 50% = 4.016.250 đồng; mái vẩy tôn phía trước, sau kích thước (4,97m x 4,7m) + (5,04m x 0,5m) = 25,88m² x 442.000đ x 50% = 5.732.420 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống 01 nhân khẩu (30kg gạo x 15.200đ/kg x 6 tháng) = 2.736.000 đồng; bồi thường chi phí di chuyển tài sản: 5.000.000 đồng; thưởng tiến độ di chuyển, bàn giao mặt bằng: 5.000.000 đồng. Tổng cộng làm tròn 95.992.000 đồng.

- Về đất: Tổng diện tích thực tế đang sử dụng 46,2m², diện tích đất thu hồi 46,2m², đất sử dụng không có giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Đất có nguồn gốc đất phi nông nghiệp (bờ sông) do U (nằm trong hành lang bảo vệ công trình thủy lợi). Khoảng năm 1995 đến trước ngày 01/7/2004 bà H chiếm

đất do UBND xã quản lý với diện tích 46,2m², xây dựng nhà ở, tại thời điểm chiếm đất và xây dựng công trình không có hồ sơ xử lý vi phạm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Năm 2009 bà H chuyển nhượng cho ông T không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

[2.2.3] Như vậy, Quyết định số 9161/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không xem xét bồi thường về đất là đúng pháp luật. Do đó, Thông báo số 172/TB-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T trả lời đơn của hộ gia đình ông Trần Duy T sử dụng đất sau ngày 01/7/2004 nên không đủ điều kiện để được mua 01 suất tái định cư theo khoản 2 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H là có căn cứ pháp luật.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy T là đúng pháp luật. Ông T kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Duy T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Duy T;

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 245/2024/HC-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Ông Trần Duy T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0076263 ngày 21/10/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Phạm Việt Hà